

28/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 16 tháng 4 năm 2018

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Gói thầu: Tư vấn Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản)

Số 16 /2018/ HD-TV

Giữa

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai

Và

Công ty TNHH tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng mỏ địa chất

Năm 2018

PHẦN I. CÁC CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về việc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Phê duyệt dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 10 /4 /2018 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai với Công ty TNHH tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng mỏ địa chất về việc thực hiện gói thầu Tư vấn giám sát, kiểm tra, nghiệm thu dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

Căn cứ Quyết định số 115./QĐ-STNMT ngày 12 / 4 /2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt đặt hàng đơn vị tư vấn giám sát thi công dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là bên A):

Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai

Đại diện là Ông: Nguyễn Thành Sinh - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Trụ sở tầng 5 khối VII, đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 0214 3821 207

Fax: 0214 3826 183

Tài khoản: 9527.2.1046767 Tại Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai

Và bên kia là:

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là bên B):

Tên đơn vị: Công ty TNHH tư vấn triển khai Công nghệ và Xây dựng mỏ địa chất.

Đại diện là Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tài khoản: 111 000 037 499 tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

Mã số thuế: 0101074336

Điện thoại: 04.375500428

Hai bên cùng nhau thống nhất và ký kết hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Khối lượng công việc

Bên A đặt hàng bên B thực hiện công việc Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản) theo Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai, với nội dung công việc như sau:

1. Nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát, kiểm tra, nghiệm thu thi công thực hiện dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công dự án. Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 30 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 và Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định nội dung công tác giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 2. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng:

1. Về chất lượng giám sát: Theo đúng nội dung phê duyệt dự án tại Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai; Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định hiện hành.

2. Sản phẩm giao nộp: 07 bộ tài liệu.

Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng theo tiến độ thi công của nhà thầu thực hiện dự án Điều tra, thăm dò, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan

trọng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Tập trung thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường để làm cơ sở đầu giá quyền khai thác khoáng sản).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 4. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

4.1. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng 487.047.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)

Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại thuế, phí khác mà nhà thầu phải nộp theo quy định.

4.2. Tạm ứng hợp đồng:

a) Sau khi được cấp có thẩm quyền cấp vốn, chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu tối đa không quá 40% giá hợp đồng tương ứng số tiền là 194.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng)

b) Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo; Mức thu hồi của từng lần tương ứng tối thiểu 10% giá trị khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ thực hiện thu hồi hết khi thanh toán khối lượng đạt 80% giá trị hợp đồng

4.2. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Phương thức thanh toán: Sau khi bên B hoàn thành các nội dung công việc của Hợp đồng, sản phẩm đảm bảo theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bàn giao sản phẩm. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 80% giá trị khối lượng thực hiện sau khi đã trừ các khoản tạm ứng (mục 4.1 điều này), thời gian thanh toán sau 07 ngày làm việc (hoặc theo kế hoạch vốn được cấp cho công trình) kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán.

- Hồ sơ thanh toán: Theo quy định quy định hiện hành.

- Khối lượng thanh toán: Là khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo đúng quy định của nhà nước.

- Đồng tiền thanh toán: Là đồng tiền Việt Nam

4.3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo (Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng. theo quy định

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị

đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ.

4.4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên B:

1. Quyền của bên B:

- Yêu cầu Bên A bàn giao các hồ sơ pháp lý.
- Bảo lưu ý kiến của mình đối với công việc tư vấn do mình đảm nhận và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.
- Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ giá trị Hợp đồng (giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt) khi hoàn thành các nghĩa vụ Hợp đồng đã ký kết và có kế hoạch vốn giao của cấp có thẩm quyền.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng nội dung, giải pháp kỹ thuật theo đề cương, dự toán được duyệt và những yêu cầu của Bên A; tuân thủ quy trình, quy phạm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Giám sát quá trình thực hiện dự án đối với từng hạng mục dự án theo kế hoạch thực hiện thống nhất giữa các bên.
- Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu toàn diện khối lượng, chất lượng sản phẩm của Đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ sở dữ liệu và quan trắc môi trường tỉnh Lào Cai.
- Tiến độ giám sát, kiểm tra cho từng nội dung công việc hoàn thành sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị thi công.
- Thời gian giám sát, kiểm tra, nghiệm thu đảm bảo tiến độ kế hoạch của Nhà nước giao hàng năm và tiến độ thanh quyết toán năm ngân sách hàng năm,
- Lập hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu theo các quy định nêu trong dự án đã được phê duyệt và theo quy trình, quy phạm hiện hành của bộ ngành liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về khối lượng, chất lượng sản phẩm đã được giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.
- Bàn giao hồ sơ Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu cho bên A ngay sau khi hoàn thành công tác kiểm tra, nghiệm thu để thực hiện thanh quyết toán.
- Hoàn thành đúng thời gian hợp đồng.
- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm.
- Không được thông đồng, kết nối với nhà thầu thực hiện dự án gây ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dự án đã ký với bên A.
- Bên B phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư khi có những hành vi vi phạm sai lệch kết quả, sản phẩm của dự án.

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá xem xét phát hiện những hành vi vi phạm làm sai lệch kết quả, sản phẩm của dự án theo quy định của Bộ, ngành chuyên quản và quy định của nhà nước.

- Cùng với bên A giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A:

1. Quyền của bên A:

- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên B;
- Quyết định đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng trong các trường hợp;
 - + Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng.
 - + Bên B đơn phương thay đổi một phần hoặc toàn bộ nội dung của hợp đồng đã ký kết mà không được sự chấp thuận của bên kia;
 - + Bên B đơn phương chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng cho một bên thứ ba mà không có ý kiến chấp thuận của bên A.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp cho bên B đầy đủ các văn bản pháp lý, các tài liệu có liên quan đến công việc thực hiện dự án.
- Giao cho bên B toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện dự án để bên B tiến hành giám sát, phân tích và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo đúng quy định.
- Thanh toán kinh phí kịp thời cho bên B theo các quy định hiện hành.
- Cùng với bên B giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Điều 7. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

- a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
- c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng

công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 3 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 10 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 15 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 10 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 10 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới.... ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành

động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 9. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không thưởng hợp đồng

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Phạt về tiến độ: Nếu do lỗi của Bên B làm chậm tiến độ mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 5% giá trị hợp đồng.

- Phạt về chất lượng: Sản phẩm chất lượng công việc không đúng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định thì bên B sẽ bị phạt 7% giá trị hợp đồng

Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 15 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài Khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài Khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng... ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân

dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài(hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 11. Cam kết chung

- Hai bên cam kết nghiêm chỉnh chấp hành những nội dung đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu công việc nào phát sinh, làm phát sinh giá trị hợp đồng, bên B phải có báo cáo bằng văn bản, hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất bổ sung hợp đồng theo quy định. Những trường hợp không thuộc phạm vi quyền hạn thì báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Hợp đồng này lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Sinh

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên